

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIAO THỦY
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 28-6-2024

V/v: Ly hôn và nuôi con chung.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIAO THỦY, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Bốn;

Ông Cao Văn Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Lê Huân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giao Thủy, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Yến - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 62/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2024 về việc “Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phạm Văn P, sinh năm 1972; địa chỉ: Xóm H, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1975; địa chỉ: Xóm H, xã G, huyện G, tỉnh Nam Định; “vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 12-3-2024 và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Phạm Văn P trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định vào ngày 30 tháng 12 năm 1992; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được 22 năm thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, anh chị đã ly thân từ cuối năm 2015 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, quan hệ hôn nhân không thể tiếp tục được nữa, anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung là: Phạm Quốc V, sinh ngày 07-02-1994, Phạm Văn V1, sinh ngày 26-4-2004 và Phạm Quốc P1, sinh ngày 12-7-2014; hiện nay 02 con chung là: Phạm Quốc V và Phạm Văn V1 đã đủ 18 tuổi trưởng thành và tự lập được nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về nuôi dưỡng; cháu Phạm Quốc P1 hiện nay đang ở cùng mẹ, ly hôn anh để cháu P1 tiếp tục ở với chị T và anh nhận nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cháu P1 cho chị T: 2.500.000 đồng/1tháng, cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Anh Phạm Văn P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có gửi Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập để Ủy ban nhân dân xã G tổng đạt cho chị T nhưng chị T từ chối nhận và không đồng ý ký vào biên bản. Khi Tòa án xuống nhà làm việc chị P có trình bày quan điểm là không đồng ý ly hôn, từ chối ký nhận và không đến Tòa án để làm việc. Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

Tại đơn đề nghị ngày 21-5-2024 cháu Phạm Quốc P1 có trình bày nguyện vọng nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu xin được tiếp tục ở với mẹ.

Tại biên bản thu thập chứng cứ ngày 12-4-2024, đại diện chính quyền địa phương, cơ sở xã G cung cấp: Anh Phạm Văn P và chị Nguyễn Thị T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G vào ngày 30 tháng 12 năm 1992. Trong cuộc sống hôn nhân, vợ chồng anh P chị T có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, địa phương không được biết do các đương sự không qua hoà giải tại cơ sở; chỉ biết anh P và chị T sống riêng và đã ly thân từ lâu. Về con chung anh P và chị T có 03 con chung là Phạm Quốc V, sinh ngày 07-02-1994, Phạm Văn V1, sinh ngày 26-4-2004 và Phạm Quốc P1, sinh ngày 12-7-2014; hiện nay cháu V, cháu V1 đã đủ 18 tuổi trưởng thành và tự lập được; cháu P1 hiện nay đang ở cùng chị T; vợ chồng không có vướng mắc kinh tế gì với địa phương. Về quan điểm giải quyết vụ án địa phương đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Địa phương cho biết mức thu nhập của lao động tự do hiện nay ở địa phương 01 ngày khoảng 200.000 đồng; một tháng khoảng 5.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng; vì thế mức tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu P1 2.500.000 đồng/1tháng của anh P là phù hợp.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Phạm Văn P ly hôn chị Nguyễn Thị T; giao con chung chưa thành niên là Phạm Quốc P1, sinh ngày 12-7-2014 cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục, trực tiếp nuôi dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung của anh Phạm Văn P là 2.500.000 đồng/1tháng cho đến khi cháu P1 đủ 18 tuổi, trưởng thành và tự lập được; về án phí: đương sự phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Phạm Văn P có đơn xin vắng mặt; bị đơn chị Nguyễn Thị T đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn P và chị Nguyễn Thị T tự nguyện tìm hiểu và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã G, huyện G, tỉnh Nam Định vào ngày 30 tháng 12 năm 1992 là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng của anh P, chị T không có hạnh phúc. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Giao Thủy đã làm đầy đủ các thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án cho chị T, khi tòa án đến nhà làm việc có trình bày không đồng ý ly hôn nhưng cũng không đến tòa án làm việc, không đến phiên hoà giải, không có trình bày các giải pháp để khắc phục mâu thuẫn, không thuyết phục được anh P đoàn tụ. Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa anh P và chị T mâu thuẫn đã trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt. Vì vậy chấp nhận nguyện vọng của anh Phạm Văn P xin ly hôn chị Nguyễn Thị T, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh Phạm Văn P và chị Nguyễn Thị T có 03 con chung là Phạm Quốc V, sinh ngày 07-02-1994, Phạm Văn V1, sinh ngày 26-4-2004 và Phạm Quốc P1, sinh ngày 12-7-2014. Hiện nay cháu V và cháu V1 đã đủ 18 tuổi trưởng thành và tự lập được nên Tòa án không xem xét giải quyết. Đối với cháu P1 từ trước tới nay đang trực tiếp ở với mẹ, anh P có quan điểm đề nghị Tòa án để cháu P1 tiếp tục ở với mẹ; bản thân cháu P1 cũng có nguyện vọng được trực tiếp ở với mẹ. Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 2.500.000 đồng/1tháng là phù hợp với mức sống, cũng như thu nhập ở địa phương. Như vậy, có đủ cơ sở để chấp nhận đề nghị của anh Phạm Văn P về việc nuôi con chung. Anh Phạm Văn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo quy định tại các Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về án phí: Anh Phạm Văn P phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm, án phí cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định tại Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xử lý hôn giữa anh Phạm Văn P và chị Nguyễn Thị T.
2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng con chung là: Phạm Quốc P1, sinh ngày 12-7-2014. Anh Phạm Văn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P1 cho chị Nguyễn Thị T 2.500.000 đồng/1 tháng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho tới khi cháu P1 đủ 18 tuổi; anh P có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.
3. Về án phí: Anh Phạm Văn P phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Anh P đã nộp 300.000 đồng tạm ứng án phí tại Biên lai thu số 0004529 ngày 14- 3- 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giao Thủy, nay đối trừ anh P còn phải nộp 300.000 đồng án phí.
4. Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Văn P và chị Nguyễn Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong trường bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Giao Thủy: 01 bản;
- VKSND tỉnh Nam Định: 01 bản;
- Chi cục THADS huyện Giao Thủy: 01 bản;
- UBND xã Giao T: 01 bản;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thanh Lâm